

Số: /PA-UBND

Lam Vỹ, ngày tháng 7 năm 2025

PHƯƠNG ÁN

Sản xuất Nông, lâm nghiệp, thủy sản xã Lam Vỹ năm 2025

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG:

- Căn cứ Quyết định số 8188/QĐ-UBND, ngày 31/12/2024 của UBND huyện Định Hoá về việc giao Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2025;
- Căn cứ Quyết định số 8190/QĐ-UBND, ngày 31/12/2024 về việc phê duyệt phương án sản xuất nông lâm nghiệp năm 2025.
- Căn cứ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 27/12/2024 của HĐND xã Lam Vỹ, kỳ họp mười một về thông qua phương án sản xuất nông lâm nghiệp năm 2025;
- Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-UBND, ngày 03/01/2025 về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 xã Lam Vỹ;
- Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND, ngày 27/12/2024 của HĐND xã Linh Thông khóa XX, kỳ họp thứ Chín về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2025;
- Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 07/01/2025 của UBND xã Linh Thông về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 xã Linh Thông.

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT NÔNG LÂM NGHIỆP NĂM 2024

*** Xã Lam Vỹ**

- Sản lượng lương thực có hạt: 2.970,3 tấn, đạt 98,58% so với KH, trong đó: thóc 2.691,95 tấn bằng 99,81% KH năm, ngô 278,4 tấn bằng 88,1% KH năm
- Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất nông nghiệp trồng trọt: 110 triệu đồng.
- Trồng rừng tập trung 154,91/90 ha, tăng 172,1% so với KH.
Trong đó trồng quế 53,51 ha, đạt 118,91% so với KH.
- Sản lượng chè búp tươi đạt: 156 tấn/150 tấn, tăng 104% so với KH.
- Tổng đàn gia súc, gia cầm: trâu 282/280 con, đạt 100,71% KH; bò 362/340 con, đạt 106,47% KH; lợn 1850/1800 con, đạt 102,7% KH; gia cầm 35.570/35.500 con, đạt 100,2% KH.

6. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 587/585 tấn, đạt 100,34% so với KH.
7. Diện tích nuôi trồng thủy sản: 80 ha/80 tấn, đạt 100% so với KH.
8. Sản lượng nuôi trồng thủy sản: 137,75/154 tấn, đạt 89,45% so với KH.
9. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng 59%, đạt 100% so với KH.
10. Tỷ lệ số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 97,72%, đạt 100,7% so với KH.

*** Xã Linh Thông**

1. Giá trị sản phẩm/1ha đất trồng trọt đạt 80/80 triệu đồng đạt 100% Kế hoạch.
2. Tổng sản lượng lương thực có hạt 2.244/2.228 tấn đạt 107 % KH (trong đó thóc 1.958/1.938 tấn, ngô 286/290 tấn đạt 98,6%).
3. Tổng đàn gia súc 2.431 con (trong đó trâu 123/100 con, đạt 123% KH; bò 552/490 con, đạt 112% KH; lợn 1.756/2.000 con, đạt 87,8% KH).
4. Tổng đàn gia cầm 41.213/40.000 con đạt 103,0 % KH
5. Tổng sản lượng cá thịt 65 tấn/62 tấn đạt 104,8 KH%.
6. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng các loại 725/695 tấn, đạt 104% KH.
7. Diện tích trồng rừng tập trung 20,5/30 ha, đạt 68,33% KH (trong đó cây quế 10,5/20 ha đạt 52,5% KH)
8. Tổng sản lượng chè búp tươi 80/80 tấn, đạt 100% KH.
9. Tỷ lệ số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 96,5% so với KH.

I. CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT CHỦ YẾU NĂM 2025:

1. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 5.231,9 tấn, trong đó: sản lượng lúa 4.633,6 tấn; sản lượng ngô: 138,3 tấn.
2. Giá trị sản phẩm trên 01 ha đất nông nghiệp trồng trọt 110 triệu đồng.
3. Diện tích trồng rừng 202 ha; trong đó trồng quế 114 ha.
4. Sản lượng chè búp tươi đạt: 240 tấn
5. Sản lượng rau các loại: 1.434 tấn.
6. Tổng đàn gia súc, gia cầm:
 - Đàn trâu 430 con.
 - Đàn bò: 905 con.
 - Đàn lợn: 3.900 con.

- Đàn gia cầm: 80.600 con.

7. Sản lượng thịt hơi các loại đạt 1.0460 tấn.

8. Diện tích nuôi trồng thủy sản: 114 ha.

9. Sản lượng thủy sản các loại đạt 224 tấn.

10. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng 75%.

11. Tỷ lệ số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 97%.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Giải pháp về sản xuất lương thực:

- Xây dựng văn bản chỉ đạo về thực hiện sản xuất nông lâm nghiệp năm 2025;
- Tăng cường tuyên truyền, vận động người dân sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp đảm bảo an toàn.

- Tiếp tục đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu giống, cơ cấu thời vụ gieo trồng theo hướng sử dụng giống ngắn ngày, năng suất, chất lượng cao, thích ứng rộng và tiếp tục duy trì, mở rộng phát triển cây trồng vụ Đông theo vùng tập trung.

1.1. Cơ cấu giống cây lương thực:

- Tăng cường sử dụng giống lúa năng suất, chất lượng để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm lúa gạo;

- Cơ cấu giống lúa, giống ngô chủ yếu khuyến khích đưa vào sản xuất tại địa bàn xã:

+ Giống lúa lai chủ yếu khuyến khích đưa vào sản xuất: SL8H-GS9, B-TE1, VT404, MHC2, Syn98, HKT99.

+ Giống lúa thuần yếu khuyến khích đưa vào sản xuất: Thiên ưu 8, J02, Hương thơm số 7, Hương Thuần 8, TH8, Bao thai, nếp Vải, nếp Cái hoa vàng.

+ Giống ngô: chủ yếu khuyến khích đưa vào sản xuất: HN88, NK4300, NK6639, LVN99, NK66Bt/GT, NK4300Bt/GT, NK7328 Bt/GT. Khuyến khích mở rộng diện tích các giống ngô nếp, ngô ngọt có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ tốt.

1.2. Thời vụ cây lương thực:

Có lịch cụ thể riêng cho từng vụ.

1.3. Giải pháp về bảo vệ thực vật:

- Tăng cường công tác dự tính, dự báo sâu, bệnh hại và hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật phòng trừ kịp thời, hiệu quả;

- Tăng cường tuyên truyền người dân sử dụng thuốc sinh học đảm bảo an toàn trong phòng trừ dịch hại, ít độc với môi trường và sức khỏe con người;
- Vệ sinh, thu gom và tiêu hủy tàn dư thực vật có mầm bệnh từ vụ trước;
- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về quản lý kinh doanh, buôn bán và sử dụng thuốc BVTV trên địa bàn.

1.4. Giải pháp về công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật:

- Tổ chức các lớp tập huấn, tuyên truyền khuyến cáo nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất như: chương trình 3 giảm, 3 tăng (*giảm giống, giảm lượng đạm thừa, giảm thuốc Bảo vệ thực vật, tăng năng suất, tăng hiệu quả kinh tế, tăng sức khoẻ cộng đồng*), áp dụng quy trình phòng trừ tổng hợp IPM, sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật theo nguyên tắc “4 đúng” (*đúng thuốc, đúng nồng độ, liều lượng, đúng lúc, đúng kỹ thuật*); sử dụng phân bón cân đối, hợp lý, tăng diện tích thâm canh lúa cải tiến (SRI), phương pháp cấy hàng rộng, hàng hẹp...

- Khuyến khích chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây khác có giá trị kinh tế cao hơn như trồng rau, ngô...

- Triển khai hỗ trợ sản xuất lúa thuần chất lượng cao theo chính sách, cơ chế hỗ trợ của tỉnh và của huyện.

- Chỉ đạo sản xuất theo vùng tập trung, đặc biệt là khuyến khích thực hiện các cánh đồng một giống lúa chất lượng cao.

2. Giải pháp đối với sản xuất cây rau màu:

- Sử dụng tối đa diện tích đất chuyên màu, mở rộng diện tích rau màu vụ xuân trên đất một lúa, đất lúa chuyển đổi sang trồng cây rau màu có giá trị kinh tế cao hơn và chủ động mở rộng diện tích lúa mùa sớm, mùa trung để bố trí đất trồng cây vụ Đông;

- Thực hiện sản xuất vụ Đông theo cánh đồng, theo khu vực nhằm thuận tiện cho chăm sóc, thâm canh, đầu tư nâng cao năng suất, chất lượng, tạo ra sản phẩm hàng hóa.

- Tăng cường tập huấn kỹ thuật, tiếp tục chỉ đạo mở rộng diện tích trồng các loại cây rau màu theo hướng an toàn, chú trọng mở rộng diện tích trồng cây khoai tây vụ đông;

3. Giải pháp về sản xuất chè:

- Tiếp tục tuyên truyền, tập huấn nâng cao năng lực sản xuất, chế biến và tiêu thụ chè cho người dân, chuyển đổi giống chè theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, thực hiện trồng mới và trồng lại chè bằng giống mới.

4. Giải pháp về công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển lâm nghiệp:

- Tiếp tục tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ rừng và phát triển trồng rừng;

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác giao khoán và bảo vệ rừng.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan kiểm lâm, công an, quân đội và chính quyền địa phương trong công tác bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng và quản lý lâm sản;

- Thực hiện công tác cấp phép, kiểm tra, giám sát khai thác rừng theo đúng quy định. Tăng cường công tác pháp chế trong lĩnh vực lâm nghiệp, xử lý nghiêm các vụ vi phạm về bảo vệ rừng.

5. Giải pháp phát triển chăn nuôi, thủy sản:

5.1. Chăn nuôi:

- Khuyến khích sử dụng các giống vật nuôi có giá trị kinh tế cao (có năng suất, chất lượng cao), ứng dụng khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi để giảm chi phí đầu vào, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, sản xuất với quy mô phù hợp và đảm bảo theo định hướng, quy hoạch;

- Tiếp tục phát triển các giống vật nuôi là giống địa phương, bản địa có giá trị kinh tế cao là thế mạnh của địa phương như: Lợn rừng, gà ta...

- Tiếp tục chỉ đạo phát triển chăn nuôi tập trung theo hướng gia trại, trang trại, giảm chăn nuôi nhỏ lẻ không đảm bảo vệ sinh thú y, vệ sinh môi trường;

- Khuyến khích người chăn nuôi mở rộng diện tích trồng cỏ làm thức ăn cho gia súc, tận dụng đất soi bãi, vườn, công lao động để trồng cỏ cung cấp thức ăn tại chỗ cho gia súc, giảm chi phí đầu vào cho người chăn nuôi.

- Tiếp tục chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chăn nuôi, trong đó đẩy mạnh công tác thụ tinh nhân tạo trâu, bò để nâng cao chất lượng đàn giống vật nuôi.

- Tăng cường công tác quản lý thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y. Kiểm tra, giám sát điều kiện chăn nuôi, điều kiện vệ sinh thú y; đẩy mạnh công tác tiêm phòng vacxin cho đàn gia súc, gia cầm.

5.2. Thủy sản:

- Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới về nuôi trồng thủy sản (giống mới, biện pháp nuôi trồng thủy sản tiên tiến); Tận dụng mặt nước hiện có để nuôi cá thâm canh, bán thâm canh.

- Tiếp tục duy trì và mở rộng diện tích nuôi cá ruộng nhằm tăng năng suất, sản lượng cá, đồng thời tăng hiệu quả kinh tế trên một diện tích đất lúa.

6. Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP):

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền về thực hiện chương trình OCOP.

7. Hỗ trợ phát triển hợp tác xã:

- Hỗ trợ phát triển hợp tác xã, tạo điều kiện cho các hợp tác xã tham gia các mô hình, dự án gắn với Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) và các dự án liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Phối hợp chọn cử các đối tượng tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao năng lực, trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý HTX.

- Hỗ trợ các HTX tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại và quảng bá tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài huyện.

8. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp:

- Rà soát, đề xuất đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống thủy lợi (kênh mương, hồ đập) trên địa bàn xã đáp ứng yêu cầu của nền nông nghiệp tiên tiến, thâm canh cao; đảm bảo an toàn phòng chống bão, lũ và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đón nhận, lồng ghép các nguồn lực đầu tư, cải tạo các công trình thủy lợi, trong đó ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống công trình thủy lợi trong vùng sản xuất tập trung.

9. Tiếp tục thực hiện hỗ trợ phát triển sản phẩm chủ lực theo Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2026, định hướng đến năm 2030.

10. Giải pháp phối hợp tuyên truyền:

- Phối hợp với UB Mặt trận tổ quốc, các cơ quan liên quan và các tổ chức Hội như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến Binh, Đoàn thanh niên... trong việc vận động hội viên tích cực trong sản xuất nông lâm nghiệp;

- Phối hợp xây dựng và thực hiện tốt phương án phòng chống thiên tai trên địa bàn, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra đối với sản xuất nông nghiệp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

Để thực hiện hoàn thành tốt những mục tiêu sản xuất Nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2025, UBND xã phân giao nhiệm vụ cho các Phòng, Trung tâm dịch vụ tổng hợp, 19 xóm cụ thể như sau:

1. Ban chỉ đạo sản xuất nông nghiệp xã:

- Thành lập, kiện toàn ban chỉ đạo; Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Ban chỉ đạo xã phụ trách địa bàn, hướng dẫn các xóm xây dựng kế hoạch cụ thể nhằm thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất nông lâm nghiệp được giao.

- Thường xuyên kiểm tra, bám sát cơ sở nắm bắt tình hình và xử lý kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất Nông lâm nghiệp năm 2025.

2. Phòng Kinh tế (Bộ phận thường trực BCD sản xuất NLN):

- Tham mưu cho Ban chỉ đạo sản xuất nông nghiệp xã chỉ đạo đưa các giống lúa, ngô có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất; Thực hiện tốt công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện các Dự án, mô hình trong lĩnh vực nông lâm nghiệp.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các mô hình trình diễn về giống mới, mô hình thâm canh, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả... theo hướng sản xuất hàng hoá và tăng thu nhập trên đơn vị diện tích để tuyên truyền, khuyến cáo và nhân ra diện rộng. Tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm để tổ chức chỉ đạo, thực hiện trong những năm tiếp theo.

- Tham mưu, tổ chức, chỉ đạo thực hiện tốt cơ chế hỗ trợ sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn huyện theo quy định.

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về vật tư nông lâm nghiệp trên địa bàn.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác, bảo vệ rừng trên địa bàn.

3. Trung tâm dịch vụ tổng hợp:

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức công tác chuyển giao khoa học kỹ thuật mới ứng dụng vào sản xuất, các kỹ thuật chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi; Tổ chức xây dựng các mô hình chuyển giao khoa học, kỹ thuật mới vào sản xuất và nhân rộng các mô hình đã thực hiện hiệu quả trên địa bàn.

- Phối hợp với các xóm, các phòng thực hiện công tác vận động, tuyên truyền, hướng dẫn người dân để tổ chức hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất nông lâm nghiệp năm 2025, đặc biệt là đối với chỉ tiêu thực hiện sản xuất lúa chất lượng cao theo hướng đồng bộ, tập trung; xây dựng và mở rộng mô hình sản xuất an toàn hiệu quả.

- Phối hợp với các ban liên quan tổ chức triển khai thực hiện công tác tiêm phòng vacxin phòng bệnh trên đàn gia súc, gia cầm;

- Tăng cường kiểm tra, giám sát điều kiện chăn nuôi, điều kiện vệ sinh thú y của các hộ chăn nuôi. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về BCĐ SX Nông nghiệp xã (Qua Phòng Kinh tế) trước ngày 15 hàng tháng.

4. Ủy ban mặt trận tổ quốc và các đoàn thể:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao phối hợp cùng Ban chỉ đạo tuyên truyền, chỉ đạo, tổ chức thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu sản xuất nông nghiệp năm 2025 đã đề ra.

5. Các xóm trên địa bàn xã:

- Căn cứ Phương án sản xuất của xã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện; chú ý lựa chọn những nội dung giải pháp phát triển sản xuất theo tiềm năng, thế mạnh của xóm theo định hướng tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, gắn với chủ trương xây dựng mỗi xã phường một sản phẩm, gắn sản xuất tập trung với xây dựng hợp tác xã kiểu mới...

- Tập trung chỉ đạo đưa các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao đã được khẳng định vào sản xuất trong khung thời vụ tốt nhất để kịp thời gieo cấy lúa mùa sớm, tạo điều kiện mở rộng diện tích trồng cây vụ đông;

- Phối hợp với bộ phận chuyên môn của xã tổ chức thực hiện tốt lớp tập huấn, các chương trình, dự án, mô hình trình diễn, tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm trên địa bàn tạo cơ sở để tuyên truyền, khuyến cáo nhân ra diện rộng.

Trên đây là nội dung Phương án sản xuất Nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2025 của UBND xã Lam Vỹ, đề nghị các phòng ban liên quan và xóm tổ chức triển khai, thực hiện đạt các chỉ tiêu kế hoạch giao./.

Nơi nhận:

- Thường trực ĐU, HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các phòng, ban;
- Các thành viên BCĐ sản xuất NLN;
- 19 xóm;
- Lưu: VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ma Văn Quyết